

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD

TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU I

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN: MEC - 211

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 11/04/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	168211980	TRẦN TẤN ANH	T16XDD1	9.5			6.4		4.5			4	5.3	Nằm pháy Ba			
2	168211981	VÕ VĂN ÁNH	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
3	168211982	NGUYỄN MINH BIÊN	T16XDD1	2			5.3		6			2	0.0	Khăng			
4	168211983	HOÀNG THÁI BÌNH	T16XDD1	9.5			4		5.5			2	0.0	Khăng			
5	168211984	NGUYỄN TẤT CẦN	T16XDD1	6			4.6		3			4	4.2	Bấu pháy Hai			
6	168211985	HUỖNH NGỌC CHÍ	T16XDD1	9			5.9		4			2.5	0.0	Khăng			
7	168211986	NGUYỄN CHÍ CÔNG	T16XDD1	9			6.8		6			4	5.5	Nằm pháy Nằm			
8	168211987	PHẠM NGỌC CÔNG	T16XDD1	6			5.6		3			5.5	5.2	Nằm pháy Hai			
9	168211988	LÊ QUỐC CƯỜNG	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
10	168211989	NGUYỄN CAO CƯỜNG	T16XDD1	5			4		6			5.5	5.3	Nằm pháy Ba			
11	168211990	NGUYỄN VĂN DUNG	T16XDD1	9.5			5.8		3			2.5	0.0	Khăng			
12	168211992	LÊ ĐẠI HẢI	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
13	168211993	PHẠM VIỆT HẢI	T16XDD1	6			5.4		7			5.5	5.8	Nằm pháy Tầm			
14	168211994	ĐOÀN CÔNG HẢI	T16XDD1	8			4.2		4			7.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
15	168211995	TRẦN VĂN HẢI	T16XDD1	9.5			7.2		6.5			6.5	7.1	Báy pháy Mất			
16	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	T16XDD1	5			6.3		7.5			9.5	8.0	Tầm			
17	168211998	PHẠM VĂN HẠNH	T16XDD1	3			0.9		7			4.5	4.1	Bấu pháy Mất			
18	168212000	NGUYỄN NGỌC HIẾU	T16XDD1	2			3.2		6			HP	0.0	Khăng			
19	168212001	TRẦN XUÂN HIẾU	T16XDD1	4			6.1		8.5			7	6.6	Sầu pháy Sầu			
20	168212002	BÙI THANH HÒA	T16XDD1	10			7.1		6			8	7.9	Báy pháy Chên			
21	168212003	NGUYỄN VĂN HÒA	T16XDD1	0			2.4		5			6	4.4	Bấu pháy Bấu			
22	168212006	NGUYỄN QUỐC HUY	T16XDD1	9			6.4		6			5	6.0	Sầu			
23	168212007	NGUYỄN KẾ	T16XDD1	10			9.4		10			9.5	9.6	Chên pháy Sầu			
24	168212008	TRẦN THANH KHÁNG	T16XDD1	9			6.5		5			7	6.9	Sầu pháy Chên			
25	168212010	TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	T16XDD1	8			6.8		3			6	6.0	Sầu			
26	168212011	ĐINH VĂN KHOA	T16XDD1	10			4.9		5.5			5.5	6.1	Sầu pháy Mất			
27	168212012	NGUYỄN LƯU ĐÌNH KỶ	T16XDD1	5			6.4		5.5			7.5	6.7	Sầu pháy Báy			
28	168212013	HỒ ĐẶC LINH	T16XDD1	9			6.6		6.5			7	7.2	Báy pháy Hai			
29	168212014	NGUYỄN TẤN LỰC	T16XDD1	2			2.9		6			6.5	5.2	Nằm pháy Hai			
30	168212015	BÙI VĂN MINH	T16XDD1	5			3.9		4			2.5	0.0	Khăng			
31	168212016	LỮ TRỌNG MINH	T16XDD1	9.5			7.4		7			9	8.5	Tầm pháy Nằm			
32	168212017	PHẠM THANH MƯỜI	T16XDD1	9.5			6.6		7			7	7.3	Báy pháy Ba			
33	168212018	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG MỸ	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
34	168212019	PHẠM VĂN NA	T16XDD1	0			1.4		7			HP	0.0	Khăng			
35	168212020	DƯƠNG HỒNG NAM	T16XDD1	9.5			8.6		7			8	8.2	Tầm pháy Hai			
36	168212022	NGUYỄN SỸ NGUYỄN	T16XDD1	8			4.3		6			4	4.9	Bấu pháy Chên			
37	168212025	ĐẶNG VĂN NHÂN	T16XDD1	2			3.3		4			HP	0.0	Khăng			
38	168212051	LÊ THANH TRỌNG	T16XDD1	0			2.9		7			2.5	0.0	Khăng			
39	168222065	ĐẶNG QUỐC BẢO	T16XDD1	9			5.5		6			4	5.3	Nằm pháy Ba			
40	168222077	BÙI NGUYỄN HỒNG HẢI	T16XDD1	6			4.9		3.5			6.5	5.7	Nằm pháy Báy			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD

TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU 1

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : MEC - 211

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 11/04/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	8			4.9		4.5			6	5.9	Nằm pháy Chên		
42	152210186	ĐOÀN VIỆT	VƯƠNG	T16XDD1	0			0.3		0			V	0.0	Khăng		
43	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỂN	T16XDD2	9.5			3.9		3			1	0.0	Khăng		
44	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	10			5.6		5			1	0.0	Khăng		
45	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	7			7.9		5.5			2.5	0.0	Khăng		
46	168212023	PHAN ĐÌNH	NHÂN	T16XDD2	9.5			8.4		5			7.5	7.6	Báy pháy Sầu		
47	168212024	HỒ CÔNG	NHÂN	T16XDD2	0			3.4		5.5			HP	0.0	Khăng		
48	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	9			5.5		7			6.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
49	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	9			4.9		5.5			4.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
50	168212028	LÊ ANH	PHƯỚC	T16XDD2	8			3.9		4.5			1	0.0	Khăng		
51	168212029	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
52	168212030	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
53	168212031	NGUYỄN MAI BẢO	PHƯƠNG	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
54	168212032	HUỲNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	9			8.3		8			8.5	8.5	Tầm pháy Nằm		
55	168212033	VÔ MINH	QUỐC	T16XDD2	6			3.4		6			2	0.0	Khăng		
56	168212034	HÀ TÂN	QUỐC	T16XDD2	0			2.3		6			6.5	4.8	Bấu pháy Tầm		
57	168212035	ĐỖ PHÚ	QUÝ	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
58	168212036	TRƯƠNG NGUYỄN	SA	T16XDD2	9.5			8.6		5.5			8.5	8.2	Tầm pháy Hai		
59	168212037	ĐẶNG VĂN	SĨ	T16XDD2	10			6.6		5.5			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
60	168212038	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDD2	9			5.9		5			2	0.0	Khăng		
61	168212039	VÔ SỸ	TÂN	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
62	168212040	VÔ VĂN	THẠCH	T16XDD2	0			1.2		0			HP	0.0	Khăng		
63	168212041	ĐÌNH QUANG	THANH	T16XDD2	10			8.6		6			7.5	7.8	Báy pháy Tầm		
64	168212042	PHẠM TRUNG	THÀNH	T16XDD2	9.5			7.7		7			10	9.1	Chên pháy Mất		
65	168212043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	9			7.6		7			4.5	6.0	Sầu		
66	168212044	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	T16XDD2	5			6.8		7.5			6	6.2	Sầu pháy Hai		
67	168212045	LÊ PHỈ	THẠNH	T16XDD2	3			4.6		4.5			6.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
68	168212046	BÙI QUỐC	THỌ	T16XDD2	0			0.6		0			HP	0.0	Khăng		
69	168212047	NGUYỄN VĂN	THỐNG	T16XDD2	2			3.6		2			DC	0.0	Khăng		
70	168212050	NGUYỄN CÔNG	TRÔI	T16XDD2	9			5		4			2	0.0	Khăng		
71	168212052	NGUYỄN THANH	TRUNG	T16XDD2	8			6.1		6.5			6	6.4	Sầu pháy Bấu		
72	168212053	PHẠM MINH	TUẤN	T16XDD2	6			5.1		5			4	4.6	Bấu pháy Sầu		
73	168212054	VĂN ĐÌNH	TUẤN	T16XDD2	9.5			8.1		6.5			8	8.0	Tầm		
74	168212055	NGUYỄN XUÂN	TY	T16XDD2	9.5			6.2		6			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
75	168212057	NGUYỄN ĐỨC	VINH	T16XDD2	9.5			7.1		4.5			5.5	6.2	Sầu pháy Hai		
76	168212058	PHẠM	VĨNH	T16XDD2	9			6.5		3			8	7.2	Báy pháy Hai		
77	168212060	TRẦN QUANG	VŨ	T16XDD2	9			6		5			1	0.0	Khăng	-50%	
78	168212061	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDD2	9.5			9.9		10			9.5	9.6	Chên pháy Sầu		
79	168212062	LÊ THỊ	YẾN	T16XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
80	168222100	NGUYỄN THANH	NGỌC	T16XDD2	9			5.5		7.5			5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
81	168222125	TRẦN GIANG	TUẤN	T16XDD2	9.5			7.7		7.5			7.5	7.8	Báy pháy Tầm		
82	168222129	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	T16XDD2	8			6.4		5			4.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
1	1527	NGUYỄN TRẦN	NHẬT	K11XCD	9.5			4.7		4			V	0.0	Khăng	Hoàn thi L1	

Ngày thi: 11/04/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				15			15		15			55	100		
2	0282	TRẦN HỮU NINH	K12XDD	8			4		4.5			6.5	6.1	Sau pháp Mặt	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	51	61%	
2	Số sinh viên nợ	33	39%	
TỔNG CỘNG :		84	100%	

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú